

Quảng An, ngày 19 tháng 3 năm 2021

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC NĂM 2020

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng	Lý giải việc chấm điểm
NHÓM 1: TỰ ĐÁNH GIÁ		50	43		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	9	7.75		
1.1	Kế hoạch CCHC	1.5	1.5		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5	0.5		
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 0.5</i>		0.5	Kế hoạch số 452/KH-UBND ngày 04/12/2019 về triển khai công tác CCHC năm 2020	- Xác định đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính nhà nước trên 6 lĩnh vực; - Có phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, có xác định sản phẩm đầu ra và thời gian hoàn thành;
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 0</i>				
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1	1		
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>		1	Báo cáo số: 436/BC-UBND ngày 16/11/2020 về công tác cải cách hành chính năm 2020	- Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 xác định 22 nhiệm vụ. - Đến nay đã thực hiện 22/22

					nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 100%, trong đó: Đã thực hiện 20 nhiệm vụ, 01 nhiệm vụ đang thực hiện đó là nhiệm vụ tổ chức tự đánh giá, xếp loại chi số CCHC của UBND xã năm 2020
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>				
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>	1.5	1.5		
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 0.5</i>		0.5	<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo số 432/BC-UBND ngày 18/11/2019 về công tác cải cách hành chính năm 2019 + Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 24/2/2020 về tình hình thực hiện công tác CCHC quý I năm 2020; + Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 22/5/2020 về tình hình thực hiện công tác CCHC 6 tháng năm 2020; + Báo cáo số 362/BC-UBND ngày 24/8/2020 về tình hình thực hiện công tác CCHC quý III năm 2020; 	
	<i>Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: 0.25</i>		0.25	BC số 436/BC-UBND ngày 21/11/2019 về kết quả rà soát, kiểm tra và xử lý VBQPPL năm 2019	
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về kiểm soát TTHC: 0,25</i>		0.25	<ul style="list-style-type: none"> + BC số 474/BC-UBND ngày 17/12/2019 về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019; + Báo cáo số 103/BC-UBND 17/3/2020 về kiểm soát TTHC quý I năm 2020; + Báo cáo số 252/BC-UBND ngày 17/6/2020 về kiểm soát TTHC quý 	

				II năm 2020; + Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 17/9/2020 về kiểm soát TTHC quý III năm 2020.	
	<i>Báo cáo chất lượng cán bộ, công chức: 0,25</i>		0.25	Báo cáo số 411/BC-UBND ngày 06/10/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	
	<i>Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND huyện về CCHC: 0,25</i>		0.25		UBND huyện không có yêu cầu báo cáo đột xuất về CCHC
1.3	Công tác kiểm tra, giám sát CCHC	2	2		
1.3.1	Kiểm tra, giám sát công tác CCHC	1	1		
	<i>Đảng ủy, HĐND: 0,5</i>		0.5	+ Nghị quyết số: 68-NQ/ĐU ngày 25/12/2019 về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước trên địa bàn xã Quảng An năm 2020. + Kế hoạch số: 01/KH-ĐGS ngày 25/6/2020 về giám sát công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2020 tại UBND xã Quảng An; + Biên bản của Đoàn giám sát ngày 08/7/2020 về công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2020 tại UBND xã Quảng An	- Trong năm 2020, Đảng ủy, HĐND, UBND xã đã ban hành Kế hoạch giám sát, kiểm tra ngay từ đầu năm, quyết định thành lập đoàn giám sát, kiểm tra và tiến hành kiểm tra đối với các bộ phận, công chức làm việc tại xã. Trong quá trình giám sát, kiểm tra đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, ban hành Thông báo kết quả giám sát, kiểm tra đối với các bộ phận, công chức được kiểm tra, đồng thời yêu cầu các bộ phận, công chức khắc phục những hạn chế, yếu kém mà đoàn kiểm tra đã chỉ ra. Tiến hành xây dựng Báo cáo kết quả kiểm tra để báo cáo cấp trên theo quy định.
	<i>UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể: 0,5</i>		0.5	+ Kế hoạch số: 482/KH-UBND ngày 19/12/2019 về tự kiểm tra	

				<p>công tác CCHC, kiểm soát TTHC, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện Ý kiến chỉ đạo năm 2020</p> <p>+ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 về việc thành lập tổ tự kiểm tra CCHC, KSTTHS,ISO, YKCD năm 2020</p> <p>+ Thông báo số 342/TB-UBND ngày 07/8/2020 về việc kiểm tra CCHC, KSTTHS,ISO, YKCD năm 2020</p>	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1		
	<p><i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i></p>			<p>+ Thông báo số: 01/TB-HĐND ngày 15/7/2020 về kết luận giám sát công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2020 tại UBND xã Quảng An;</p> <p>+ Biên bản kiểm tra ngày 17/8/2020 về tự kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện Ý kiến chỉ đạo năm 2020</p> <p>+ Báo cáo số: 364/BC-UBND ngày 24/8/2020 về khắc phục kết luận sau giám sát của HĐND xã.</p> <p>+ Báo cáo số 410/BC-UBND ngày 04/10/2020 về tự kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC, Hệ</p>	<p>- Trong năm 2020, Sau khi được HĐND xã giám sát và UBND xã tổ chức tự kiểm tra, các bộ phận, công chức được kiểm tra đã tiến hành khắc phục những hạn chế, yếu kém. Theo đó đã khắc phục trên 100% hạn chế, yếu kém đã được đoàn kiểm tra, giám sát chỉ ra.</p>

				thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện Ý kiến chỉ đạo năm 2020	
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.4	<i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức</i>	1.5	1.5		
1.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức	0.5	0.5	Hình ảnh tại trụ sở và hình ảnh trên trang thông tin điện tử xã về niêm yết công khai địa chỉ, điện thoại tiếp nhận, quy trình tiếp nhận PAKN	
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>				
1.4.2	Xử lý PAKN thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức	1	1		
	<i>Từ 70% - 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>			Báo cáo số: 468/BC-UBND ngày 07/12/2020 về tình hình thực hiện công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính năm 2020	Không có PAKN của tổ chức, cá nhân
	<i>Dưới 70% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.5	<i>Công tác tuyên truyền</i>	1.5	1.25		

	CCHC				
1.5.1	Tuyên truyền trong cán bộ, công chức	0.5	0.5		
	<i>Tổ chức đánh giá tổng kết về thực hiện công tác CCHC của địa phương hàng năm (có thể lồng ghép với Hội nghị khác): 0.25</i>		0.25	+ Giấy mời số 442/GM-UBND ngày 22/11/2019 về Hội nghị tổng kết CCHC năm 2019; + Giấy mời, Chương trình hội nghị sơ kết CCHC 9 tháng đầu năm 2020 + Ảnh hội nghị tổng kết CCHC năm 2019, sơ kết CCHC 9 tháng đầu năm 2020	
	<i>Tham gia bồi dưỡng, tập huấn, Hội nghị hoặc thực hiện các nhiệm vụ cấp trên giao về công tác CCHC (nếu có): 0.25</i>		0.25	Giấy mời, danh sách số lượng người tham gia các lớp tập huấn, hội nghị về CCHC	Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do cấp trên tổ chức
1.5.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1	0.75		
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.25</i>		0.25	+ Tuyên truyền trong các cuộc họp, hội nghị cơ quan; + Danh mục tin bài tuyên truyền CCHC trên trang thông tin điện tử xã. + Danh mục tin bài tuyên truyền CCHC trên đài phát thanh xã	- Tổng số tin, bài tuyên truyền CCHC trên trang thông tin điện tử là 237 tin bài - Tổng số tin, bài tuyên truyền CCHC trên đài truyền thanh xã là 30 tin bài
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.25</i>		0		
	<i>Số lượng tin tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử cấp xã tăng từ 15% trở</i>		0.5	+ Danh mục tin, bài tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của xã năm 2020	Số lượng bài đăng trên trang TTĐT xã năm 2020 là 237 tăng 374% so với năm 2019 là 50 bài

	<i>lên: 0,5</i>			+ Danh mục tin, bài tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của xã năm 2019	
1.6	<i>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</i>	1	0		
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm:1</i>				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ:0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao:0</i>		0		
2	TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG	5	4		
2.1	<i>Xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác theo dõi THPL</i>	1	1		
	<i>Xây dựng kế hoạch đầy đủ, đúng thời gian:0,5</i>		0.5	+ Kế hoạch số: 505/KH-UBND ngày 31/12/2019 về theo dõi tình hình thi hành pháp năm 2020	
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian:0,5</i>		0.5	+ Báo cáo số:415 /BC-UBND ngày 01/10/2020 về tình hình theo dõi thi hành pháp luật năm 2020	
2.2	<i>Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)</i>	2	1		
2,2,1	<i>Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL</i>	1	0		

	<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL: 0.25</i>				
	<i>Kiểm tra tình hình THPL: 0.25</i>				
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình THPL: 0.5</i>				
2,2,2	Xử lý kết quả theo dõi THPL	1	1		
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi THPL theo thẩm quyền:1</i>		1	+ Báo cáo số:415 /BC-UBND ngày 01/10/2020 về tình hình theo dõi thi hành pháp luật năm 2020	
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi THPL theo thẩm quyền:0</i>				
2.3	Xử lý văn bản QPPL sau rà soát	1	1		
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		1	Báo cáo số 414/BC-UBND ngày 01/10/2020 về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2020	
	<i>Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
2.4	Xử lý văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra	1	1		
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		1	Báo cáo số 414/BC-UBND ngày 01/10/2020 về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2020	Không phát hiện sai phạm qua kiểm tra

	<i>Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
3	CẢI CÁCH TTHC	14	14		
3.1	Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	1.5	1.5		
3.1.1	Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tại Bảng niêm yết của đơn vị	0.5	0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5	Hình ảnh niêm yết các TTHC tại bảng niêm yết của UBND xã	
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.1.2	Công khai TTHC trên Trang TTĐT của đơn vị	0.5	0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5	+ Hình ảnh, Danh sách đường link công khai các quyết định công bố TTHC trên trang thông tin điện tử xã	
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã	0.5	0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5	+ Hình ảnh, Danh sách đường link công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang thông tin điện tử xã.	

	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.2	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>	1.5	1.5		
3.2.1	TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0.5	0.5		
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0.5</i>		0.5	Báo cáo số 476/BC-UBND 16/12/2020 về kiểm soát TTHC năm 2020;	
	<i>Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0</i>				
3.2.2	TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông	1	1	+ Danh mục thống kê TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền và cùng cấp; + Báo cáo số 476/BC-UBND 16/12/2020 về kiểm soát TTHC năm 2020;	
	<i>Đầy đủ, đúng quy định của UBND tỉnh: 0.5</i>		0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy định của UBND cấp huyện: 0.5</i>		0.5		
3.3	<i>Cập nhật TTHC trên phần mềm</i>	1	1		
3.3.1	Cập nhật TTHC trên quy trình	0.5	0.5		
	<i>Thường xuyên, đúng quy định: 0.5</i>		0.5	Danh sách TTHC được thiết lập quy trình trên phần mềm	100% thủ tục được cập nhật thường xuyên, đúng quy định
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				

3.3.2	TTHC được thiết lập đúng theo quy trình trên phần mềm	0.5	0.5		
	<i>Từ 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là 0.5</i>		0.5	Danh sách TTHC được thiết lập quy trình trên phần mềm	100% thủ tục được thiết lập quy trình đầy đủ, đúng quy định
	<i>Từ 95 % - dưới 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là 0.25</i>				
	<i>Dưới 95% TTHC được thiết lập đúng: 0</i>				
3.4	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</i>	9	9		
3.4.1	Hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.5	1.5		
	<i>Từ 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1.5</i>		1.5	Hình ảnh thống kê tại phần mềm	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 2807. Trong đó số lượng hồ sơ đã được giải quyết là 2806, Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 2800 đạt tỉ lệ: 99,8%
	<i>Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn) X 1.25</i>				
	<i>Từ 90 - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn</i>				

	<i>Dưới 90% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>				
3.4.2	Hồ sơ TTHC có thời gian giải quyết nhiều ngày được số hóa	1.5	1.5		
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>		1.5	Hình ảnh thống kê tại phần mềm	100% hồ sơ giải quyết nhiều ngày đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ số hóa) X 1.25</i>				
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ số hóa</i>				
	<i>Dưới 50% số hồ sơ số hóa: 0</i>				
3.4.3	Hồ sơ TTHC có thời gian giải quyết trong ngày được số hóa	1.5	1.5		
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>		1.5	Hình ảnh thống kê tại phần mềm	100% hồ sơ giải quyết trong ngày đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ số hóa) X 1.25</i>				
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ số hóa</i>				
	<i>Dưới 50% số hồ sơ số hóa:</i>				

	0				
3.4.4	Thực hiện cập nhật hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm	0.5	0.5	Hình ảnh thống kê tại phần mềm	100% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5		
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
3.4.5	Thực hiện cập nhật, tạo tài khoản người sử dụng trên phần mềm	0.5	0.5	Thường xuyên cập nhật, tạo tài khoản người sử dụng trên phần mềm đầy đủ và đúng quy định	
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5		
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
3.4.6	Thực hiện việc xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC (nếu có)	0.5	0.5	05 Văn bản xin lỗi	Số hồ sơ đã được xin lỗi/ số hồ sơ đã giải quyết trễ hẹn: 5/6. (01 hồ sơ giải quyết chính sách hỗ trợ COVID-19 chậm hạn do Sở lao động thương binh và xã hội chậm hẹn nên không bàn hành thư xin lỗi)
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>		0.5		
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
3.4.7	Hồ sơ được tiếp nhận theo hình thức liên thông trong số TTHC hoặc nhóm TTHC đã triển khai giải quyết theo hình thức liên thông	1.5	1.5		
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>			Hình ảnh thống kê tại phần mềm	Số lượng hồ sơ đã giải quyết theo hình thức liên thông là 136, số hồ sơ tiếp nhận theo hình thức liên

				thông 136, đạt tỉ lệ 100%
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ tiếp nhận thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận) X 1.25</i>			
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ tiếp nhận: 0</i>			
3.4.8	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm	1.5	1.5	Trong năm không có hồ sơ phải thông báo gia hạn, xác minh hồ sơ.
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>		1.5	
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận) X 1.25</i>			
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ tiếp nhận: 0</i>			

3.5	<i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã</i>	1	1		
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	0.25	0.25	Hình ảnh tại trụ sở và hình ảnh trên trang thông tin điện tử xã về niêm yết công khai địa chỉ, điện thoại tiếp nhận, quy trình tiếp nhận PAKN	
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.25</i>		0.25		
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>				
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	0.75	0.75		
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i>		0.75	Báo cáo số: 468/BC-UBND ngày 07/12/2020 về tình hình thực hiện công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính năm 2020.	Không có PAKN của tổ chức, cá nhân
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25</i>				
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	3	3		

4.1	<i>Thực hiện quy định của TW, UBND tỉnh về hệ thống chính quyền cơ sở</i>	2.5	2.5		
4.1.1	Thực hiện quy chế làm việc của UBND	1	1	- QĐ số 60/2016 /QĐ-UBND ngày 28/7/2016 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2016-2021	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>		1		
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0.5</i>				
4.1.2	Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị	1	1	Báo có số 416 /BC-UBND ngày 30/10/2020 về thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 0.5</i>				
4.1.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị	0.5	0.5	Biểu mẫu 01 danh sách cán bộ, công chức xã	
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao:0.5</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao:0</i>				
4.2	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>	0.5	0.5		

4.2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND huyện ban hành	0.5	0.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5</i>		0.5		
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	6	6		
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí chức danh</i>	3	3		
5.1.1	Công chức chuyên môn được bố trí theo đúng vị trí chức danh	1	1	Biểu mẫu 01 danh sách cán bộ, công chức xã	
	<i>Đúng quy định: 1</i>		1		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.2	Cán bộ cấp xã đạt chuẩn	1	1	Biểu mẫu 04 thống kê số lượng, chất lượng cán bộ cấp xã.	
	<i>100% số công chức: 1</i>		1		
	<i>Từ 95% - dưới 100% số công chức: 0.5</i>				
	<i>Dưới 90% số công chức: 0</i>				
5.1.3	Công chức cấp xã đạt chuẩn	1	1	Biểu mẫu 06 thống kê số lượng, chất lượng công chức cấp xã.	
	<i>100% số công chức: 1</i>		1		
	<i>Từ 95% - dưới 100% số công chức: 0.5</i>				
	<i>Dưới 90% số công chức: 0</i>				

5.2	Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	2	2		
5.2.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	0.5	0.5	Biểu mẫu 07 về báo cáo đánh giá phân loại CB,CC năm 2019 Biểu mẫu 06 báo cáo đánh giá phân loại CB,CC quý I, II, III năm 2020	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>		0.5		
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.2.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	0.5	0.5	Kế hoạch số 484/KH-UBND ngày 19/12/2019 về tự kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2020 Báo cáo số:422/BC-UBND ngày 06/11/2020 về chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính.	Trong năm không có cán bộ công chức bị xử lý kỷ luật
	<i>Trong năm không có cán bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.25</i>		0.25		
	<i>Trong năm không có công chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.25</i>		0.25		
5.2.3	Thực hiện công tác quản lý hồ sơ CB, CC	1	1		
	<i>Từ 90% - 100% CB, CC thực hiện cập nhật hồ sơ CB, CC hàng năm, thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>		1	Báo cáo số 413BC/UBND ngày 27/10/2020 về tình hình cập nhật, bổ sung hồ sơ vào phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức	
	<i>Dưới 90% CB, CC thực hiện cập nhật hồ sơ: 0</i>				

5.3	CB,CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức	1	1		
	Từ 90% - 100% CB, CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % tham dự) X 1		1	Báo cáo số 411/BC-UBND ngày 06/10/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	
	Dưới 90% CB, CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng:				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	3	2.5		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2.5	2		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0.5		
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao:1				
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 60% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ giải ngân KH đầu tư vốn NSNN) X 0.75		0.5	Biểu mẫu 01 tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc các CTMTQG năm 2020	Tổng mức đầu tư vốn NSNS là 14.896 triệu; đã giải ngân 9.873 triệu , đạt tỉ lệ 66%
	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao:0				

6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách	1	1		
	<i>100% số kiến nghị được thực hiện: 1</i>		1	+ Kết luận số 995/KL-UBND ngày 24/10/2017 của UBND huyện Quảng Điền về chấp hành phát luật trong quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách. + báo cáo kết quả khắc phục các kiến nghị sau thanh tra năm 2018, 2019	
	<i>Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5</i>				
	<i>Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0</i>				
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại UBND cấp xã	0.5	0.5		
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5</i>		0.5	Báo cáo số:500/BC-UBND ngày 31/12/2020 về tình hình thực hiện tự chủ về sử dụng kinh phí	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm 2020
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	0.5	0.5	Báo cáo bằng biểu mẫu 04a, 09a, 09b, 09c về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại UBND xã Quảng An năm 2020	

	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	10	5.75		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	4.5	3.75		
7.1.1	Triển khai 5 phần mềm dùng chung	0.5	0.5		
	<i>Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật phần mềm: 0.5</i>				Báo cáo số: 279/BC-UBND ngày 29/6/2020 của UBND xã Quảng An về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020.
	<i>Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật: 0</i>				
7.1.2	Văn bản đi trao đổi dưới dạng điện tử	1.5	1		
	<i>Từ 90% số văn bản đi trở lên: 1.5</i>				
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số văn bản đi) X 1.25</i>		1		Tổng số văn bản đi trao đổi dưới dạng điện tử / tổng số văn bản đi: 436/544, đạt tỉ lệ 80%
	<i>Dưới 60% số văn bản: 0</i>				
7.1.3	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trên văn bản điện tử	1.5	1.5		
	<i>Từ 90% số văn bản đi trở lên: 1.5</i>		1.5		Tổng số văn bản đi có sử dụng chữ ký số trên văn bản điện tử / tổng số văn bản đi: 436/436, đạt tỉ lệ 100%
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ</i>				

	<i>% số văn bản đi) X 1.25</i>				
	<i>Dưới 60% số văn bản: 0</i>				
7.1.4	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	1	0.75		
	<i>CB, CC không sử dụng thư điện tử công cộng (gmail, yahoo...) trong giao dịch công vụ: 0,25</i>		0.25		100% cán bộ, công chức sử dụng mail công vụ, không sử dụng thư điện tử công cộng (gmail, yahoo...) trong giao dịch công vụ;
	<i>Thực hiện theo quy định việc quản lý thông tin điện tử hoặc chứng thư số chuyên dùng đối với CB,CC nghỉ hưu, chuyển công tác: 0,5</i>		0.5		Đối với cán bộ nghỉ hưu đã thực hiện thu hồi chứng thư số chuyên dùng và quản lý thông tin điện tử theo quy định việc
	<i>100% máy tính đơn vị có cài đặt phần mềm diệt virus: 0,25</i>		0		
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.5	0		
7.2.1	TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	0	Trong năm không phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	
	<i>Từ 60% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>				
	<i>Từ 40% - dưới 60% số TTHC cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ: 0.25</i>				

	<i>Dưới 40% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0</i>		0		
7.2.2	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1	0	Trong năm không phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3	
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính: 0.5</i>				
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0</i>		0		
7.2.3	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	0	Trong năm không phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4	
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính 0.5</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>		0		
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1	0		
7.3.1	Hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5	0	Trong năm không phát sinh hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>				

	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>		0		
7.3.2	Kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5	0	Trong năm không có kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>				
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>		0		
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	2	2		
7.4.1	Công bố ISO 9001 theo quy định	0.5	0.5		
	<i>Đã công bố: 0.5</i>		0.5	+ Thông báo số: 365/TB-UBND ngày 24/8/2020 về công bố lần 03 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; + Ảnh công bố ISO trên trang thông tin điện tử xã	
	<i>Chưa công bố: 0</i>				
7.4.2	TTHC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015	0.5	0.5		
	<i>Từ 90% - 100% các quy trình, TTHC được áp dụng: 0.5</i>		0.5	Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về công bố lần 03 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	119/119 thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
	<i>Dưới 90% số TTHC được áp dụng quy trình: 0</i>				

7.4.3	Áp dụng đồng bộ, đầy đủ các quy trình giải quyết TTHC đã được thiết lập với quy trình ISO điện tử	0.5	0.5		
	<i>Từ 90% đến 100% TTHC: 0.5</i>		0.5	Báo cáo số:440/BC-UBND ngày 17/10/2020 về việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	
	<i>Dưới 90%: 0</i>				
7.4.4	Thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0.5	0.5		
	<i>Đầy đủ, đúng quy trình: 0.5</i>		0.5	Báo cáo số:440/BC-UBND ngày 17/10/2020 về việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015	
	<i>Chưa đầy đủ hoặc chưa đúng: 0.25</i>				
	<i>Chưa đủ và chưa đúng: 0</i>				

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- Phòng Nội vụ;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT-PCT. UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp xã;
- Lưu:VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Hải